

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Mẫu số B 02 a - DNBH
Ban hành theo QĐ số 150/2001/QĐ - BTC
Ngày 31/12/2001 của Bộ Tài Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2010
(Dùng cho doanh nghiệp Bảo Hiểm)

Đơn vị tính: đồng VND

CHỈ TIÊU	MA SÓ	Lũy Kế	Quý 2/2010
1	2	3	4
1. Thu phí bảo hiểm	01	1.145.808.253.220	439.462.192.320
3. Các khoản giảm trừ	03	301.421.556.351	213.111.625.361
4. Tăng (giảm) dự phòng phí, dự phòng toán học	08	120.095.294.851	(98.990.383.473)
5. Thu hoa hồng nhượng tái Bảo Hiểm	09	38.462.207.483	24.621.303.426
6. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	883.995.303	856.595.719
7. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (14 = 01 - 03 +/- 08 + 09 + 10)	14	763.637.604.804	350.818.849.577
8. Chi bồi thường bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm	15	398.860.154.207	197.847.581.878
10. Các khoản giảm trừ	17	67.018.020.562	41.760.435.058
11. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại (21 = 15 - 17)	21	331.842.133.645	156.087.146.820
12. Chi bồi thường từ dự phòng dao động lớn	22	-	-
13. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường	23	72.020.010.078	19.007.853.284
14. Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	24	25.331.600.906	6.790.517.009
15. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	25	96.581.372.880	52.630.557.943
16. Tổng chi trực tiếp hoạt động KDBH (41 = 21 - 22 +/- 23 + 24 + 25)	41	525.775.117.509	234.516.075.056
17. Lợi nhuận gộp hoạt động KDBH (42 = 14 - 41)	42	237.862.487.295	116.302.774.521
18. Chi phí bán hàng	43	-	-
19. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44	242.968.933.590	118.273.133.384
20. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (45 = 42 - 43 - 44)	45	(5.106.446.295)	(1.970.358.863)
21. Doanh thu hoạt động tài chính	46	173.284.464.607	62.908.563.348
22. Chi hoạt động tài chính	47	41.246.914.979	30.050.281.522
23. Lợi nhuận hoạt động tài chính (51 = 46 - 47)	51	132.037.549.628	32.858.281.826
24. Thu nhập hoạt động khác	52	522.126.211	312.333.629
25. Chi phí hoạt động khác	53	4.351.273	16.058.071
26. Lợi nhuận hoạt động khác (54 = 52 - 53)	54	517.774.938	296.275.558
27. Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	55	8.945.069.794	4.194.050.156
28. Tổng lợi nhuận kế toán (55 = 45 + 51 + 54)	56	136.393.948.065	35.378.248.677
33. Thuế TNDN phải nộp	61	15.174.765.289	9.964.398.680
34. Lợi nhuận sau thuế TNDN (61 = 55 - 58 - 60)	62	121.219.182.776	25.413.849.997
35. Lợi ích cổ đông thiểu số	63	2.485.730.659	1.332.611.189
36. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	64	118.733.452.117	24.081.238.808

NGƯỜI LẬP BIỂU



Vũ thị Dung

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Phú Thủy

TP.HCM, ngày 15 tháng 08 năm 2010

